

BIỆN CHỨNG CÁ NHÂN - XÃ HỘI TRONG THỊ HIẾU THẨM MỸ

VŨ THỊ THANH HOÀI

Tóm tắt:

Thị hiếu thẩm mỹ là khái niệm chỉ sở thích của con người trong lĩnh vực thẩm mỹ, bộc lộ năng lực lựa chọn, đánh giá của con người bằng cảm xúc trước các hiện tượng thẩm mỹ.

Yếu tố cá nhân trong thị hiếu thẩm mỹ bộc lộ ở chỗ, sự lựa chọn đối tượng để cảm thụ, đánh giá hoàn toàn phụ thuộc vào sở thích riêng của mỗi người. Thị hiếu thẩm mỹ luôn là sự bộc lộ cái tôi cá nhân và phơi bày cá tính. Mỗi chủ thể khi đánh giá thẩm mỹ lại đưa ra những cảm nhận ở mức độ khác nhau.

Thị hiếu thẩm mỹ vừa mang dấu ấn cá nhân độc đáo riêng biệt, vừa ẩn chứa những quan niệm mang tính phổ biến trong một cộng đồng, xã hội, thời đại nhất định. Mỗi quan hệ biện chứng cá nhân - xã hội trong thị hiếu thẩm mỹ là mối quan hệ vừa cá nhân vừa xã hội trong mỗi con người, là sự chuyển hoá hài hoà giữa riêng và chung, cá biệt và phổ biến. Cái chung đã được hoà tan, thấm thấu và trở nên ổn định trong nét độc đáo, riêng biệt của mỗi cá nhân. Cho nên, một thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn, lành mạnh phải có sự hoà hợp của cả hai yếu tố: cá nhân và xã hội.

Từ xưa, Lưu Hiệp - một học giả nổi tiếng của Trung Quốc - đã nhận thấy rằng: “Người hiểu biết văn học thường có cái thích riêng của mình cho nên không ai thấy được cái toàn diện. Chẳng hạn, những người tính tình khảng khái thấy những âm thanh hùng tráng thì liền vỗ tay. Những người hàm súc thấy những lời tinh tế chặt chẽ thì khoái trá. Những người trí tuệ nông cạn, thấy câu văn đẹp thì sướng mê. Những người thích cái lạ và mới, đối với những việc quái lạ thì sửng sốt. Cái gì hợp với ý thích của mình thì khen ngợi, không hợp thì vứt bỏ xem thường”(1). Tuy ông chỉ giới hạn trong việc cảm thụ văn chương nhưng cũng có thể coi đó là đặc điểm của sự cảm thụ thẩm mỹ nói chung.

Còn ở Việt Nam, từ thế kỷ trước, trong những dòng đầu tiên bàn về mỹ học - “Đẹp là gì?” - học giả Phạm Quỳnh đã đưa ra những nhận định sâu sắc: “ Mỹ cảm thường cho là riêng của từng người. Cùng một cảnh trí, cùng một bức vẽ, cùng một bài văn, cùng một điệu hát, có lẽ người này cho là đẹp mà người kia cho là xấu, người kia khen là hay mà người này chê là dở, tùy sự sở thích, tùy cái thói quen của mỗi người. Song, nếu như

vậy thì quan niệm về sự đẹp không có chuẩn đích nhất định hay sao? Đã hay rằng sở thích của mỗi người một khác, không thể ép cho giống nhau được, nhưng có sao khi cùng một bài văn, cùng một bức họa, ai ai cũng đều khen là hay, ai ai cũng đều nhận là đẹp?”. Phạm Quỳnh hoàn toàn có lý khi ông khẳng định : “Xét như thế thì sự đẹp không phải là không có phép tắc, không phải là chỉ thuộc về cảm giác riêng của từng người, mà thực có quan hệ với nhân quần xã hội”(2). Mặc dù chỉ bàn về cái đẹp nhưng Phạm Quỳnh đã ít nhiều đặt vấn đề cho mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố cá nhân và xã hội trong đánh giá thẩm mỹ.

Có nhiều quan niệm khác nhau về thị hiếu thẩm mỹ. Nhiều người quan niệm thị hiếu thẩm mỹ là bản năng bẩm sinh, vốn có của con người. Những người khác lại cho rằng thị hiếu thẩm mỹ là sự thần bí của thiên nhiên. Rất nhiều người cho rằng về thị hiếu thì không nên bàn cãi. Mỗi cá nhân, mỗi dân tộc, mỗi giai cấp ở các thời đại khác nhau lại có những thị hiếu thẩm mỹ khác nhau. Điều này cho thấy sự phong phú và phức tạp của thị hiếu thẩm mỹ.

Mỹ học Mác - xít quan niệm, thị hiếu thẩm mỹ là khái niệm chỉ sở thích của con người trong lĩnh vực thẩm mỹ, bộc lộ năng lực lựa chọn, đánh giá của con người bằng cảm xúc trước các hiện tượng thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ có sự thống nhất hài hoà giữa lý trí và tình cảm, cá nhân và xã hội. Thiếu yếu tố cảm xúc, sự đánh giá của thị hiếu sẽ mất đi tính riêng biệt, độc đáo. Thiếu sự dẫn dắt của lý trí thì sự lựa chọn của thị hiếu sẽ mất đi tính định hướng và đúng đắn. Bên cạnh đó, thị hiếu thẩm mỹ còn chịu sự quy định sâu sắc của hai yếu tố: cá nhân và xã hội.

Yếu tố cá nhân trong thị hiếu thẩm mỹ bộc lộ ở chỗ, nó là sự lựa chọn đối tượng để cảm thụ, đánh giá hoàn toàn phụ thuộc vào sở thích riêng của mỗi người. Cơ sở cho sự chọn lựa đối tượng này hay đối tượng khác là nó có làm cho ta thích hay không, thoả mãn hay không thoả mãn, đây là sự lựa chọn “cho ta” chứ không phải “vì nó”. Trong hoạt động khoa học, nhà khoa học có thể say mê theo đuổi một đề tài nào đó nhưng đối tượng của anh ta không thể không chịu sự quy định của những điều kiện về trang thiết bị kỹ thuật, tính cấp thiết, mức độ của đề tài, chi phí cho quá trình nghiên cứu, ý nghĩa đối với xã hội ... Còn trong lĩnh vực thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ hoàn toàn tự do, vô tư trong việc lựa chọn đối tượng, tùy theo sở thích của mỗi người, mà không phải chịu bất cứ sự ràng buộc bởi nhu cầu thực dụng nào. Như vậy, cảm thụ thẩm mỹ là cảm thụ vô tư, trong sáng, tự nguyện. T. Secnusepxki đã từng viết trong luận văn tiến sỹ- “ Quan hệ thẩm mỹ của nghệ thuật đối với hiện thực”: “Cái đẹp tạo ra cho người ta một cảm giác hoan hỉ trong sáng, giống như cảm giác khi ta gặp mặt người yêu. Chúng ta yêu mến cái đẹp một cách vô tư, chúng ta thương thức nó; chúng ta hoan hỉ khi thấy nó cũng như là hoan hỉ khi thấy người thân yêu của chúng ta”. Đặc tính vô tư của thị hiếu thẩm mỹ khiến cho nó khước từ mọi sự ép buộc trong cảm thụ và đánh giá. Trong sáng tác thẩm mỹ nói chung và đặc biệt là trong sáng tác nghệ thuật nói riêng, đó là thế giới của cái “tôi”. Người ta có quyền không thích cái mà nhiều người thích, điều đó không ai có quyền áp đặt. Người ta có thể sáng tác về cùng một đề tài nhưng chẳng ai giống ai, mỗi người một vẻ. Và ai

cũng biết, điều tối kỵ trong nghệ thuật là sự lặp lại, là đi theo một lối mòn sẵn có. Cho nên, không phải ngẫu nhiên mà nhiều người quả quyết không thể bàn cãi về thị hiếu, bởi đó là sở thích của mỗi người. Mỗi cá nhân, mỗi dân tộc, mỗi giai cấp ở các thời đại khác nhau đều có sự đánh giá thẩm mỹ khác nhau. Người Nga cho rằng, “về thị hiếu màu sắc thì không ai giống ai”. Có người thích màu “nóng”, kẻ lại ưa màu “lạnh”. Có người thích những giai điệu trẻ trung sôi động, người lại ưa những lời ca trữ tình sâu lắng. Trong thế giới nghệ thuật, người thích văn chương, kẻ ưa âm nhạc, chẳng ai bắt bẻ ai, tự do lựa chọn và theo đuổi. Điều đó làm nên sự phong phú, đa dạng và sinh động của đời sống thẩm mỹ.

Bên cạnh đó, thị hiếu thẩm mỹ luôn là sự bộc lộ cái tôi cá nhân và phơi bày cá tính. Đứng trước hiện tượng thẩm mỹ, con người thể hiện cảm xúc và đánh giá tức thời, mau lẹ. Còn trong lĩnh vực khoa học, nhà khoa học không thể thể hiện cảm xúc của mình trong công trình nghiên cứu, để đảm bảo tính đúng đắn, khách quan. Việc đánh giá của anh ta cũng cần phải có thời gian đào sâu tìm tòi, nghiền ngẫm. Sự phản ứng mau lẹ trong cảm thụ thẩm mỹ biểu lộ cá tính và chủ kiến của con người. Thái độ dứt khoát khi khen, chê thể hiện sự tự tin của con người trong đánh giá thẩm mỹ. Điều đó chỉ có thể có được khi con người có vốn văn hoá cao, có vốn nghệ thuật, vốn thẩm mỹ sâu, giúp họ có được bản lĩnh vững vàng trước mọi sự lựa chọn. Kinh nghiệm thẩm mỹ của chủ thể càng phong phú bao nhiêu thì phản ứng của họ càng chính xác và mau lẹ bấy nhiêu. Họ có thể phân biệt và đánh giá một cách đúng đắn giữa các hiện tượng: thật hay giả, xấu hay tốt, giá trị hay không có giá trị.

Mỗi chủ thể khi đánh giá thẩm mỹ lại đưa ra những cảm nhận ở mức độ khác nhau. Trước cùng một hiện tượng thẩm mỹ, có chủ thể cảm thụ nhanh nhạy, chính xác, sâu sắc, nhưng cũng có chủ thể chỉ cảm thụ được bề ngoài hoặc cảm thụ sai lệch. Cùng đứng trước một hiện tượng, những chủ thể khác nhau lại cảm thụ khác nhau. Cùng thưởng thức một giai điệu, người khoẻ mạnh về tinh thần và thể chất thì có thể cảm thấy phấn chấn, hào hứng nhưng với người yếu ớt cả thể chất lẫn tinh thần thì có khi lại cảm thấy mệt mỏi, rã rời. Chưa kể đến những tác phẩm nghệ thuật. Có những tác phẩm nghệ thuật ngay từ lúc mới ra đời đã được đánh giá cao, nhưng cũng có những tác phẩm thật sự có giá trị mà đương thời chịu không ít lời tranh cãi hay thậm chí tác phẩm ấy có thể bị lãng quên. Sinh thời, tranh của Van Gốc không được ưa chuộng, ông chỉ bán được một bức duy nhất và phải sống trong cảnh bần hàn. Ngày nay, tranh của ông là niềm ao ước của các quốc gia, các nhà tỷ phú. (Ngược lại, danh hoạ Picassô lại nổi tiếng và giàu có chính nhờ việc ông hiểu được thị hiếu về tranh của người đương thời). Ngày xưa, thi hào Nguyễn Du từng đau đầu một nỗi niềm khao khát tìm kẻ tri âm :

“Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?”- Độc Tiểu Thanh kí

(Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tô Như chăng?)

Một điều là, trong đánh giá thẩm mỹ có liên quan đến vấn đề thị hiếu thẩm mỹ cao và thấp. Thông thường, người có thị hiếu thẩm mỹ thấp hay kém phát triển là vì họ chưa được nâng cao về trình độ học vấn và trình độ thẩm mỹ, sự đánh giá của họ thường hay nặng về cảm tính. Những chủ thể có trình độ học vấn sâu rộng, vốn sống và kinh nghiệm thẩm mỹ phong phú, cảm xúc tinh tế, trực giác nhạy bén...thường có khả năng cảm thụ và đánh giá thẩm mỹ nhanh nhạy, chính xác. Như vậy, thị hiếu thẩm mỹ cao hay thấp phụ thuộc nhiều vào trình độ thẩm mỹ của mỗi chủ thể. Do đó, trong công tác giáo dục thẩm mỹ, cần không ngừng bồi dưỡng và nâng cao trình độ thẩm mỹ cho công chúng, thông qua việc cung cấp những tri thức thẩm mỹ đúng đắn, tạo điều kiện cho việc phát triển khả năng sáng tạo thẩm mỹ ở mỗi cá nhân, giúp cho họ được tiếp xúc, cảm thụ với các tác phẩm nghệ thuật có giá trị.

Tóm lại, thị hiếu thẩm mỹ thể hiện rõ nét màu sắc cá nhân, mỗi người mỗi vẻ. Chính sự phong phú, đa dạng của thị hiếu thẩm mỹ tạo nên sự đa dạng, phong phú cho thị hiếu xã hội.

Đề cao tính cá nhân của thị hiếu thẩm mỹ, Cantor đã từng quả quyết rằng: “Nếu ai đọc cho tôi nghe một bài thơ hoặc đưa tôi đến xem một buổi diễn kịch ở nhà hát mà rốt cuộc nó vẫn không đáp ứng thị hiếu của tôi thì, để chứng minh rằng bài thơ của hắn là đẹp dù hắn có cầu khấn cả Batteux (Linh mục, viện sĩ viện Hàn lâm pháp), cả Lessing và cả đến các nhà phê bình về thị hiếu cổ nhất và nổi tiếng nhất, và các quy tắc mà các vị ấy đã nêu ra thì cũng vô hiệu thôi”. Chính vì thế, ông cho rằng: “về thị hiếu thì không nên bàn cãi”. Ai cũng biết, việc tôn trọng thị hiếu cá nhân, cá tính sáng tạo lại càng được đề cao hơn bao giờ hết trong nghệ thuật. Nghệ thuật là thế giới của sự sáng tạo độc đáo, đòi hỏi mỗi nghệ sĩ phải đem đến một điều gì đó mới mẻ, sâu sắc, không lặp lại trong tác phẩm của anh ta. Đúng như Lê nin khẳng định: “Không thể chối cãi rằng sự nghiệp văn học ít chịu được hơn hết sự san bằng, sự bình quân máy móc, sự thống trị của số đông đối với số ít. Không thể chối cãi rằng trong sự nghiệp này cần phải đảm bảo một phạm vi hết sức rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho những thiên hướng cá nhân, cho suy nghĩ và cho tưởng tượng, cho hình thức và cho nội dung”(3). Ý kiến của Lê-nin đối với cá tính sáng tạo của nhà văn cũng là đòi hỏi của hoạt động nghệ thuật nói riêng, hoạt động thẩm mỹ nói chung. Không tạo được tiếng nói riêng trong nghệ thuật, nghệ sĩ coi như không có gì cả.

Tiếng thơ của Bà huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương cất lên cùng một thời đại, nhưng là kết quả của hai cá tính sáng tạo khác nhau: Nếu như thơ của Bà huyện luôn mực thước, tĩnh tại, ước lệ, hướng về quá khứ, nhiều điển cố trang trọng; thì thơ Hồ Xuân Hương lại là sự phá cách, phi chuẩn mực, hướng về thực tại, nhiều từ ngữ của lời ăn tiếng nói hàng ngày. Cùng viết nhiều về đề tài tình yêu nhưng thơ tình Xuân Diệu và Nguyễn Bính là hai giọng điệu riêng. Nếu Xuân Diệu sôi nổi, nồng nàn, mãnh liệt khi viết về tình yêu bao nhiêu thì thơ tình Nguyễn Bính lại là tiếng lòng nhắn gửi dịu dàng, e ấp - tình

yêu của những anh trai làng, những cô thôn nữ. Người ta nói, tranh của Lêona đờ Vanh xi đậm tính mâu mục, cổ điển, tinh thần nhân ái, còn tranh của Raphaen nuột nà, phóng khoáng, tranh của Picatsô là sự sáng tạo mới mẻ và biến đổi không ngừng.

Vậy điều gì đã tạo nên sự khác biệt trong thị hiếu thẩm mỹ? Phải chăng, sở thích thẩm mỹ của mỗi người khác nhau vì nó nảy sinh trên cơ sở sinh lý - giải phẫu khác nhau? Mỹ học Mác xít quan niệm, thị hiếu thẩm mỹ chịu sự chi phối của cả hai đặc điểm: đặc điểm tâm - sinh lý cá nhân và điều kiện kinh tế - xã hội. Ngoài những đặc tính về sinh lý, thị hiếu thẩm mỹ còn chịu ảnh hưởng của: môi trường sống, vốn văn hoá, trình độ tri thức, kinh nghiệm sống và kinh nghiệm thẩm mỹ...

Thị hiếu thẩm mỹ của mỗi người không những có thể bàn cãi mà còn có thể lý giải được. (Tuyệt đối hoá yếu tố cá nhân nên Cantơ không thể lý giải được sự tồn tại song song của thị hiếu chung toàn xã hội và thị hiếu của một nhóm người. Ông đành đưa ra quan niệm về thị hiếu xã hội để giải quyết vấn đề chung và riêng, rằng nhiều người cùng cho một sự vật là đẹp vì cái đẹp có tính phổ biến). Thị hiếu thẩm mỹ trước hết là thị hiếu của mỗi cá nhân nhưng lại chứa đựng cả yếu tố xã hội. Quan hệ thẩm mỹ là một loại quan hệ xã hội, nên thị hiếu thẩm mỹ, một dạng biểu hiện của quan hệ thẩm mỹ, một hình thức thể hiện của ý thức thẩm mỹ không thể không mang tính xã hội. Bên cạnh đó, cá nhân sinh thành, tồn tại trong xã hội, dù muốn hay không, vẫn chịu sự chi phối của xã hội mang đặc trưng cho dân tộc, giai cấp, thời đại và nhân loại. Những đặc điểm riêng biệt của thị hiếu thẩm mỹ có thể được giải thích từ chính môi trường xã hội của anh ta. Mặt khác, xã hội được tạo thành bởi mỗi cá nhân, thị hiếu thẩm mỹ của mỗi cá nhân làm cho thị hiếu thẩm mỹ của xã hội thêm đa dạng, phong phú.

Yếu tố xã hội của thị hiếu thẩm mỹ thể hiện trước hết ở tính giai cấp. Trong xã hội có phân chia giai cấp, thị hiếu thẩm mỹ của con người luôn chịu ảnh hưởng của giai cấp mà nó là thành viên như: điều kiện, hoàn cảnh sống, lý tưởng đạo đức, lý tưởng chính trị, lý tưởng thẩm mỹ... T.Secunsepxki, nhà mỹ học dân chủ cách mạng Nga thế kỷ XIX đã nói đến sự khác biệt mang tính giai cấp trong quan niệm về cái đẹp. Ông đưa ra ví dụ những người lao động chôn thôn quê quan niệm về một người con gái đẹp phải là người khoẻ mạnh, rắn chắc, có khả năng lao động tốt, còn đối với người đẹp trong con mắt xã hội thượng lưu lại ưa những cô tiểu thư mảnh mai, yếu đuối, “gió thổi bay”. Ông viết: “Một thiếu nữ nông thôn, do làm việc nhiều mà rắn chắc lại được ăn uống đầy đủ thì sẽ có sức khoẻ dồi dào - đó cũng là điều kiện cần thiết của một người đẹp ở thôn quê. Còn đối với người đẹp “gió thổi bay”, mảnh dẻ, gầy gò của xã hội giao tế hào hoa thì người thôn quê lại dứt khoát cho là “vô duyên”, và thậm chí còn cảm thấy khó chịu nữa, vì rằng người thôn quê vẫn quen cho rằng “gầy còm” là kết quả của ốm yếu hay của một “số phận đắng cay”(4). Ông còn lý giải sự khác biệt trong quan niệm thẩm mỹ có nguyên nhân từ nguồn gốc xuất thân, địa vị giai cấp của họ: “Những người sống nhàn rỗi thì máu ít chảy xuống chân tay, gân thịt chân tay của mỗi thể hệ lại một yếu dần đi, xương trở nên càng nhỏ, kết quả tất nhiên của tất cả cái đó là chân tay nhỏ bé. Chúng là dấu hiệu của một cuộc đời mà chỉ những giai cấp trên trong xã hội mới có, một cuộc đời không lao

động chân tay. Nếu một người đàn bà lịch thiệp mà chân tay to lớn thì là một người đàn bà xấu xí hoặc không xuất thân từ một gia đình lương thiện và cổ kính”. Còn trong tác phẩm “Nghệ thuật và đời sống xã hội”, Plêkhanốp đã đưa ra nhiều ví dụ về sự ảnh hưởng của điều kiện sống đối với quan niệm về cái đẹp. Chẳng hạn, ông nói đến việc các phụ nữ da đen trong một số bộ lạc ở châu Phi có quan niệm đeo vào người càng nhiều vòng sắt càng đẹp, hoặc một số phụ nữ khác lại làm đẹp bằng cách cố tình sử dụng những đôi giày chật để tạo dáng đi khó khăn, uể oải. Lý giải nguyên nhân của những quan niệm lạ lùng đó, Plêkhanốp cho rằng chúng đều bắt nguồn từ chính sự bất bình đẳng về tài sản ở bộ lạc của những người da đen xứ sở ấy. Bởi vì, vào thời kỳ đó, sắt là kim loại quý, những người phụ nữ càng đeo nhiều vòng sắt càng chứng tỏ họ là người giàu có. Như vậy, ý niệm về cái đẹp gắn liền với ý niệm về sự giàu sang. Còn những người phụ nữ có dáng đi khó khăn bởi những đôi giày chật, là vì theo họ, dáng đi ấy chứng tỏ họ là người phong lưu, nhàn hạ, không phải làm lụng vất vả như những người phụ nữ thuộc tầng lớp lao động nghèo khổ, lam lũ. Văn hào Lỗ Tấn cũng từng vạch rõ: “Cố nhiên vui, buồn, yêu, ghét là tính của con người, nhưng người nghèo quyết không có cái buồn buồn thua bán lỗ ở sở giao dịch, ông vua dầu hỏa làm sao biết được nỗi khổ cực của bà già nhặt xỉ than ở Bắc Kinh, nạn dân vùng đói kém chắc không trông hoa lan như cụ lớn giàu sang.”(5).

Yếu tố dân tộc cũng tác động lớn đến sự hình thành thị hiếu thẩm mỹ của mỗi cá nhân. Mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng về hoàn cảnh sống, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, phong tục tập quán, tâm lý, truyền thống văn hoá...khác nhau nên thị hiếu thẩm mỹ cũng có sự khác biệt so với các dân tộc khác. Điều này có thể tìm thấy biểu hiện ở nhiều lĩnh vực như: trang phục dân tộc, hình thức giao tiếp, cách biểu lộ tình cảm...và đặc biệt rõ trong những tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu của dân tộc họ. Nếu như vẻ đẹp của người Việt xưa thể hiện trong cách búi tóc, ăn trầu, răng đen, mặc áo tứ thân, đi thuyền rồng thì người Trung Quốc lại ưa chuộng mặc áo cừu, đi xe song mã, tứ mã. Người Việt luôn luôn phải đương đầu với hiểm họa thiên nhiên và giặc ngoại xâm từ đó hình thành tình cảm thiết tha yêu quê hương đất nước, yêu con người và thiên nhiên, quý trọng những đức tính cần cù, giản dị, kiên cường, quả cảm... Trong sáng tác của người Việt, bao nét quen thuộc, thân thương nơi những hình ảnh cây đa, bến nước, con đò, cánh cò trắng, lũy tre làng, cô thôn nữ đầm đàng, người trai làng hồn hậu... Còn sáng tác của người Nga thể hiện một bức tranh khác, xứ sở của những cánh đồng tuyết trắng, cỗ xe tam mã, cây bạch dương, thảo nguyên bao la, hạt phúc bồn tử, mùa thu vàng... Người Việt yêu những hình tượng nghệ thuật mang tâm hồn Việt như Lục Vân Tiên, Thuý Kiều, Từ Hải... Người Trung Quốc lại ngưỡng mộ những nhân vật như: Lưu Bị, Trương Phi, Võ Tòng, Lý Quỳ...

Không thể không nhắc đến yếu tố thời đại chi phối đến thị hiếu thẩm mỹ. Sự thay đổi của những điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội mỗi thời đại làm cho quan niệm, đánh giá thẩm mỹ của con người cũng thay đổi theo. Ở thời nguyên thủy, những bức tượng được tìm thấy hầu hết là tượng phụ nữ. Chúng có chung một đặc điểm là tỉ lệ chung chưa được chú ý, phần được chú trọng nhất là phần thân cùng với sự cường điệu, phóng đại các chi tiết: ngực, bụng, mông; phần chân dung hầu như không được diễn tả. Những bức

tượng như bức bà Tô mẫu Vi- len- đoooc nói với chúng ta về một thời kì, có lẽ là sự tồn tại của chế độ mẫu hệ, vai trò của người phụ nữ được đề cao. Dường như các bức tượng cùng nói lên quan niệm về cái đẹp gắn liền với khái niệm “phồn thực”, gắn liền với sự sinh tồn, duy trì và phát triển nòi giống. Người phụ nữ được ngợi ca với thiên chức làm mẹ, cái đẹp đồng nghĩa với “Người Mẹ”. Ở thời Trung cổ, chịu sự chi phối của chủ nghĩa khổ hạnh trong tôn giáo, sự đè nén của thần quyền, người ta ưa vẻ đẹp của những phụ nữ có thân thể gầy gò, khuôn mặt dài với đôi mắt mở to trong cái nhìn lặng lẽ, nhần nhục. Đến thời Phục hưng, các nghệ sỹ thể hiện khát vọng giải phóng con người, sự đoạn tuyệt đối với những xiềng xích của tôn giáo khi họ nồng nhiệt ngợi ca những vẻ đẹp của con người tràn trề sinh lực, hài lòng với cuộc sống, khẳng định niềm hạnh phúc nằm ngay trên chính mảnh đất trần gian.

Bên cạnh yếu tố dân tộc, giai cấp, thời đại thì tính nhân loại cũng ảnh hưởng đến thị hiếu thẩm mỹ. Sở thích của cá nhân có thể khác nhau nhưng tiêu chuẩn “Chân- Thiện - Mỹ” là cái đích mà ai cũng muốn vươn tới. Tính nhân loại là tiêu chí cao nhất để đánh giá giá trị của các hiện tượng thẩm mỹ, cũng như góp phần phân biệt thị hiếu thẩm mỹ tốt và thị hiếu thẩm mỹ xấu, phân biệt cái tầm thường và cái cao đẹp, nghệ thuật và phi nghệ thuật. Dù ở quốc gia nào, dù thuộc màu da nào, dù nói ngôn ngữ nào thì con người cũng ngưỡng mộ vẻ đẹp của thần Vệ nữ trong nghệ thuật Hi Lạp thời cổ đại, suy tư trước nụ cười bí ẩn của nàng Monaliza- kiệt tác của Leona đờ Vanhxi, yêu hoà bình với hình tượng cánh chim bồ câu trong tranh của Picátô, cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên qua bức “Mùa thu vàng “ của Lêvitan...

Như vậy, thị hiếu thẩm mỹ bộc lộ sâu đậm màu sắc cái “tôi” nhưng lại có sự chi phối trực tiếp của các yếu tố xã hội (giai cấp, dân tộc, thời đại, nhân loại) ảnh hưởng đến hoạt động cảm thụ, đánh giá và sáng tạo thẩm mỹ. Nói cách khác, thị hiếu thẩm mỹ bộc lộ mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và xã hội, cái chủ quan và cái khách quan, cái chung và cái riêng. Thị hiếu thẩm mỹ vừa mang dấu ấn cá nhân độc đáo riêng biệt, vừa ẩn chứa những quan niệm mang tính phổ biến trong một cộng đồng, xã hội, thời đại nhất định. Mối quan hệ biện chứng cá nhân - xã hội trong thị hiếu thẩm mỹ là mối quan hệ vừa cá nhân vừa xã hội trong mỗi cá nhân, là sự chuyển hoá hài hoà giữa riêng và chung, cá biệt và phổ biến. Cái chung đã được hoà tan, thẩm thấu và trở nên ổn định trong nét độc đáo, riêng biệt của mỗi cá nhân. Chỉ có đứng trên phương diện này chúng ta mới lí giải được vì sao mỗi chủ thể ở những dân tộc, giai cấp, thời đại, thể hệ có những thị hiếu thẩm mỹ khác nhau nhưng vẫn dễ dàng tìm được tiếng nói chung, nhất là khi đứng trước các hiện tượng thẩm mỹ nào đó thuộc về thiên nhiên, đồ vật hay các tác phẩm nghệ thuật. Mỹ học Mác xít đã lí giải như sau: “Lẽ tất nhiên, khi bàn tới những sự vật không động chạm tới những lợi ích xã hội gì trọng đại, thì các khái niệm về cái đẹp, dù là các khái niệm của những lực lượng xã hội đối kháng chẳng nữa đều có thể rất phù hợp với nhau. Một công nhân Xô- viết và một gã tư bản nào đó đều có thể đánh giá vẻ đẹp của một viên hồng ngọc đúng với phẩm chất của nó” (6). Đó cũng là căn cứ để giải thích vì sao thị hiếu thẩm mỹ của cá nhân lại không bất biến mà có thể thay đổi cùng với sự thay đổi của xã hội.

Tóm lại, một thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn, lành mạnh phải có sự hoà hợp của cả hai yếu tố cá nhân và xã hội. Không nên tuyệt đối hoá một yếu tố nào. Nếu tuyệt đối hoá yếu tố cá nhân tức là phủ nhận sự can thiệp kịp thời, đúng đắn của xã hội đối với những thị hiếu thẩm mỹ lai căng, lập dị, không lành mạnh. Còn nếu tuyệt đối hoá yếu tố xã hội tức là dẫn đến đồng nhất sở thích của mọi người, thủ tiêu cá tính sáng tạo, làm cho đời sống thẩm mỹ của cá nhân và xã hội trở nên nghèo nàn, nhàm chán, không có điều kiện để phát triển.

Chú thích:

1. Lư Hiệp (1999), *Văn tâm điều long*, NXB Văn học, Hà Nội, tr 273.
2. Phạm Quỳnh, nguồn: [http:// Chungta.com](http://Chungta.com). *Mấy lời bàn về mỹ học: Đẹp là gì?*” - Phạm Quỳnh.
3. Lê- nin bàn về văn hóa văn học, NXB Văn học, Hà Nội, 1977, tr 75.
4. T. Secursepxki (1962), *Quan hệ thẩm mỹ của nghệ thuật đối với hiện thực*, NXB Văn hoá - nghệ thuật, Hà Nội, tr 24.
5. Lỗ Tấn (1963), *Lỗ Tấn tạp văn tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội, t.2, tr 211.
6. Viện Hàn lâm Khoa học Liên xô (cũ) (1963), *Nguyên lí mỹ học Marx- Lênin*”, phần III, NXB Sự thật, Hà Nội, tr 106.